



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 05 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Quan trắc-Phân tích**

Laboratory: **Department of Monitoring-Analysis**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Trung tâm Quan trắc - Thông tin tài nguyên và môi trường**

Organization: **Monitoring - Information Center of Natural Resources and Environment**

Số hiệu/ Code: **VILAS 894**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**

Field: **Chemical**

Người quản lý: **Hoàng Văn Huy**

Laboratory manager: **Hoang Van Huy**

Hiệu lực công nhận/ Period
of Validation: **Kể từ ngày /05/2025 đến ngày 30/05/2030**

Địa chỉ: **Số 533 đường Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên**

Address: **No. 533 Nguyen Van Linh Street, Hien Nam Ward, Hung Yen City, Hung Yen Province**

Địa điểm: **Số 533 đường Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên**

Location: **No. 533 Nguyen Van Linh Street, Hien Nam Ward, Hung Yen City, Hung Yen Province**

Điện thoại/ Tel: **02216 255 666**

Email: **quantracmthy@gmail.com**

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 894

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) /Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Nước mặt, nước ngầm, nước thải <i>Surface water, ground water, wastewater</i>	Xác định hàm lượng Mangan Phương pháp trắc quang dùng Fomaldoxim. <i>Determination of manganese content Formaldoxime spectrometric method</i>	0,08 mg/L	TCVN 6002 : 1995
2.		Xác định hàm lượng sắt Phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1,10 – Phenantrolin <i>Determination of iron content Spectrometric method by using 1,10 phenantroline</i>	0,09 mg/L	TCVN 6177:1996
3.	Nước thải <i>Wastewater</i>	Xác định hàm lượng Niken Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nhiệt điện. <i>Determination of Nickel content Electrothermal atomic absorption spectrometric method</i>	0,015 mg/L	SMEWW 3113B:2023
4.		Xác định hàm lượng Đồng Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa. <i>Determination of Copper content Flame atomic absorption spectrometric method</i>	0,1 mg/L	SMEWW 3111B:2023
5.		Xác định hàm lượng Chì Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nhiệt điện. <i>Determination of Lead content Electrothermal atomic absorption spectrometric method</i>	0,009 mg/L	SMEWW 3113B:2023
6.		Xác định hàm lượng Kẽm Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa <i>Determination of Zinc content Flame atomic absorption spectrometric method</i>	0,09 mg/L	SMEWW 3111B:2023

Chú thích/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 894

Trường hợp Trung tâm Quan trắc - Thông tin Tài nguyên và Môi trường cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Trung tâm Quan trắc - Thông tin Tài nguyên và Môi trường phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/*It is mandatory for Monitoring - Information Center of Natural Resources and Environment that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

